

BẢN SẮC VĂN HÓA VIỆT NAM

Văn hóa khắc họa bản sắc và phương thức tồn tại của một cộng đồng, khiến cộng đồng ấy có một đặc thù riêng. Như vậy, văn hóa mang bản sắc dân tộc. Và yếu tố dân tộc là yếu tố quyết định nhất của một nền văn hóa. Bản sắc văn hóa dân tộc là cái "*hồn*", là sức sống *nội sinh*, là cái thể *căn cước* của mỗi dân tộc, để phân biệt dân tộc này với dân tộc khác, từ đó nó có thể biểu lộ một cách trọn vẹn nhất sự hiện diện của mình trong quá trình giao lưu và hội nhập.

Trải hàng nghìn năm lịch sử, dân tộc Việt Nam đã rèn đúc, tôi luyện cho mình nhiều *phẩm chất* tốt đẹp. Đó là năng lực chế ngự thiên nhiên, tư duy độc lập, tự chủ, sáng tạo trong chống giặc ngoại xâm; sự hình thành một hệ giá trị cốt lõi của văn hóa dân tộc với tinh thần yêu nước, ý chí độc lập tự cường, tinh thần đoàn kết, ý thức cố kết cộng đồng gắn kết cá nhân – gia đình – làng xã – Tổ quốc; lòng nhân ái, sự khoan dung, trọng nghĩa tình đạo lý, lấy nhân nghĩa làm gốc; trách nhiệm của cá nhân đối với cộng đồng nhà – làng – nước; trọng dân, đề cao dân, lấy dân làm gốc; hòa hợp đề hòa đồng, cần cù, khiêm tốn, giản dị trong lối sống... Tất cả tạo thành nhân cách của con người và được nhân dân làm thành nhân cách, cốt cách của dân tộc Việt Nam.

Bản sắc văn hóa Việt Nam là tổ chất được *hợp luyện* cùng chiều với lịch sử đấu tranh dựng nước và giữ nước của dân tộc Việt Nam. Bản sắc đó không phải là một hằng số, là những giá trị bất biến, mà có những giá trị mới được hình thành, bồi tụ trong quá trình hội nhập, tiếp biến giữa các nền văn hóa.

Tùy theo cách tiếp cận và vấn đề nghiên cứu để có thể rút ra những kinh nghiệm của việc giữ gìn bản sắc văn hóa dân tộc, đóng cửa hay mở cửa trong quá trình giao lưu, hội nhập.

Trước hết, phải nhận thức văn hóa là đối thoại, là sự xâm nhập, đan xen, trao đổi, tác động qua lại và có chút pha trộn giữa các yếu tố nội sinh và ngoại sinh. Bản thân khái niệm văn hóa dù theo nghĩa này hay nghĩa khác, cũng đều thể hiện quan hệ với mình, với người, với sự việc, giữa dân tộc và nhân loại. Văn hóa là biết cách xử sự, xử thế. Các nền văn hóa luôn tiếp nhận lấy nhau, vay mượn của nhau. Mọi nền văn hóa đều thuộc về di sản chung của nhân loại. Văn hóa của giai đoạn sau thường là sự phát triển hợp quy luật của tổng số những kiến thức mà loài người đã tích lũy ở các giai đoạn trước. Không có nền văn hóa nào trên thế giới lại tuyệt đối đơn lẻ, thuần khiết và không bị ảnh hưởng bởi bất cứ nền văn hóa nào khác. Điều này đúng với mọi thời đại.

Đời sống của một con người, một cộng đồng, một dân tộc hay xã hội, tự bản thân nó là không ngừng phát triển, tự tái tạo và biến đổi không ngừng trong tiến hóa của lịch sử. Sự trao đổi và phát triển đó bị ngưng trệ – dù vô thức hay hữu thức – đều làm tổn thương và xói mòn các giá trị của đời sống, là điều tồi tệ nhất. Những bài học và kinh nghiệm thành công và không thành công của Việt Nam và thế giới thời cổ, trung, cận đại đều được đo bằng việc có giao lưu hội nhập với thế giới hay co vào cố thủ, đóng kín, khước từ giao lưu.

Việc mở mang đầu óc với thế giới bên ngoài là một đòi hỏi khách quan, một quy luật của sự hưng thịnh tiến bộ và phát triển. Ngăn trở hoặc làm trái quy luật sẽ dẫn tới thất bại.

Không kể tới những sự cách biệt do các yếu tố địa lý như bị ngăn cách bởi đại dương, sa mạc, bởi khí hậu khắc nghiệt làm cho một số nền văn minh cổ đại từ chỗ phát triển cao đi tới chỗ trì trệ, suy tàn, còn lại đều chủ yếu do sự xung đột, cưỡng chế áp đảo. Triều đại Mãn Thanh ở Trung Quốc, triều Nguyễn ở Việt Nam là những ví dụ điển hình về chính sách "bế quan tỏa cảng" trước sức mạnh áp đảo của văn minh phương Tây. Kết quả là càng đóng kín bao nhiêu thì càng trở nên trì trệ bấy nhiêu, cuối cùng cũng không thể đóng cửa. Ngược lại, bài học của Nhật Bản chủ trương mở

cửa, ứng xử phù hợp với các nền văn minh khác là những hình ảnh sống động, mẫu mực của việc giao lưu, hội nhập trên cơ sở giữ gìn bản sắc văn hóa dân tộc.

Hai là, không mở mang đầu óc với thế giới bên ngoài thì sớm hay muộn cũng sẽ *suy thoái*. Nhưng cũng không phải *cứ mở mang là phát triển và tiến bộ*. Vấn đề còn ở chỗ là *cách thức* mở mang, giao lưu với thế giới như thế nào. Là vấn đề có tính quy luật cơ bản của đời sống con người, nhưng *nếu tiếp cận tốt* thì kết quả sẽ tốt, và ngược lại.

Một câu hỏi lớn đặt ra cho việc tiếp cận khoa học là tại sao trong lịch sử có những bài học thành công và không thành công? Vẫn cùng một nền văn hóa với những giá trị hàng đầu như tinh thần yêu nước, chủ nghĩa dân tộc độc lập, tâm lý và ý thức tôn vinh cộng đồng, nhưng tại sao từ nửa cuối thế kỷ XIX đến đầu thế kỷ XX phong trào giải phóng dân tộc Việt Nam không giành được thắng lợi? Sau này tại sao ta lại thắng thực dân Pháp, thắng đế quốc Mỹ? Nếu trả lời vì đối phương vấp phải một nền văn hóa mà họ không thể nào hiểu được, không thể nào thắng được thì chưa hoàn toàn có sức thuyết phục, nói cách khác chỉ là mới đúng một phần. Nếu cho rằng, vì chính sách đóng cửa (đương nhiên vì sợ hãi sự áp đảo, cưỡng chế của thực dân phương Tây dưới danh nghĩa "khai hóa") thì cũng mới đúng một nửa, thậm chí chưa được một nửa. Thực tế lịch sử cho thấy, cũng có những bài học về chính sách đóng cửa dẫn tới sự thành công(1) trong thời cận đại sự phát triển của Nhật Bản tưởng như một nghịch lý, bởi vì bắt đầu từ "cú hích" đóng cửa dẫn đến sự thành công của cải cách Minh Trị sau này. Điều đó cho thấy, không nên hiểu một cách đơn giản rằng, cứ có một nền văn hóa mang bản sắc riêng không trộn lẫn với nền văn hóa các nước khác là tự khắc thành công. Hoặ cứ mở cửa là ắt phát triển. Bài học hôm nay là, phải "biết mình biết người", biết cách mở cửa, thậm chí như Nhật Bản là biết cả cách "đóng cửa một cách chủ động có chọn lựa nhằm khuyến khích sự phát triển các ngành trong nước, phục hưng sản xuất và điều tiết ngoại thương".

Ba là, "biết mình biết ta" để giữ gìn và chặt lọc, biết "mở cửa", "đóng cửa" thì ắt thành công.

Trước hết, phải nhận thức đầy đủ về một bối cảnh quốc tế mới sẽ còn nhiều biến động. Đó là quá trình phát triển nhanh, mạnh và toàn cầu hóa trên nhiều lĩnh vực như thông tin, khoa học và công nghệ, thương mại,... Nó tạo ra khả năng trao đổi trí tuệ, thông tin cực nhanh về thời gian, cực rộng về địa bàn và phong phú từ nhiều nguồn. Một chân trời văn hóa và kiến thức tạo cho các cộng đồng xích lại gần nhau đang mở ra trước các dân tộc. Mặt khác là nguy cơ san bằng và đồng nhất hóa các hệ thống giá trị và tiêu chuẩn, đe dọa làm suy kiệt khả năng sáng tạo của các nền văn hóa. Kinh tế thị trường trong xu thế toàn cầu hóa có xu hướng biến di sản văn hóa (vật thể và phi vật thể) thành hàng hóa, kể cả bản thân con người.

Trong bối cảnh đó, cần phải tỉnh táo nhận thức về mình. Không ai có thể phủ nhận được sức mạnh và giá trị trường tồn của bản sắc văn hóa Việt Nam⁽²⁾. Nhưng có phải sức mạnh đó là vô biên hay vẫn có giới hạn? Có những khuyết tật mà trước đây chưa bộc lộ hay bộc lộ ít, nay thì lộ rõ hơn. Hiện tượng trong lịch sử có lúc phương Đông bị phương Tây áp đảo, thậm chí bị ngược đãi và làm nhục. Song ở một chừng mực nào đó thì văn hóa Phương Đông đã làm sáng mắt cho họ một bài học về quy luật cái mạnh đối với cái yếu. Trong quy luật đó, không thể không bàn tới việc văn hóa phương Tây đi tiên phong về những lý tưởng cách mạng: tiến bộ, tự do, dân chủ, đặt chữ *trí* lên trên hết, lấy lý tính và khoa học làm tiêu chuẩn chân lý. Phải thừa nhận rằng, trước kia cũng như hiện nay chúng ta đang thấp kém về mặt vật chất và khoa học tự nhiên, khoa học kỹ thuật. Về khoa học xã hội và nhân văn cũng có những nét tương tự. Chẳng hạn, phương Đông đề ra "đức trị" trong khi còn những non kém về "pháp trị". Chúng ta phải dám nhìn thẳng vào sự thật, giác ngộ về những yếu kém và lạc hậu của mình. Tuy nhiên sự mạnh, yếu cũng là cái nhìn tương đối, trong những giai đoạn và hoàn cảnh lịch sử cụ thể nhất định. Bởi vì xét đến cùng thì những mặt tinh thần và giá trị đạo đức là những cái quan trọng hơn những cái khác.

Theo tinh thần của UNESCO, "phân tích đến cùng sự phát triển của xã hội chính là sự phát triển của văn hóa"; "sự thăng hoa của văn hóa là đỉnh cao nhất của sự phát triển".

Bốn là, điều cần quan tâm hiện nay là, với tư duy văn hóa đổi mới của Đảng Cộng sản Việt Nam: "Bảo vệ bản sắc dân tộc phải gắn kết với mở rộng giao lưu quốc tế, tiếp thu có chọn lọc những cái hay, cái tiến bộ trong văn hóa các dân tộc khác"(3) thì chúng ta phải nhận thức như thế nào và làm gì để giữ gìn, phát huy bản sắc văn hóa dân tộc trong quá trình giao lưu hội nhập? Có thể nêu lên một số khía cạnh cho sự lựa chọn mô hình phát triển Việt Nam như sau:

1 – Không e ngại sự áp đảo của toàn cầu hóa, không "dị ứng" với mọi biểu hiện của văn hóa nhân loại. Thâm nhập vào thế giới một cách chủ động, tự tin, tự nhiên, sẵn sàng đối thoại với các nền văn hóa với tư duy đa dạng văn hóa là một tất yếu của giao lưu, hợp tác. Muốn vậy phải trên cơ sở lấy văn hóa dân tộc làm gốc. Chỉ trên cơ sở nhận thức đúng đắn, đầy đủ việc giữ gìn, phát huy cốt cách văn hóa dân tộc mới đi tới được văn hóa nhân loại.

2 – Kinh tế và có kiến thiết kinh tế rồi thì văn hóa mới kiến thiết được và đủ điều kiện phát triển được. Ngược lại, văn hóa phải đứng trong kinh tế và chính trị, thúc đẩy kinh tế và chính trị phát triển. Như vậy, trong khi đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa, cùng với phát triển kinh tế vẫn phải có niềm tin và biện pháp tích cực để phát triển văn hóa tinh thần, không theo kiểu dàn hàng ngang để tiến, mà bằng tư duy "lấy tinh thần chiến thắng vật chất", "đem văn minh (đồng nghĩa với văn hóa) thắng bạo tàn".

3 – Phải xuất phát từ tư duy phương Đông được đánh dấu bởi hoài bão tìm kiếm tính thống nhất của vũ trụ, sự hài hòa giữa những mâu thuẫn. Để giao lưu, hội nhập phải có một thái độ "câu đồng tồn dị", tìm mẫu số chung thay vì khoét sâu sự cách biệt. Nếu giữa thế kỷ XX, Hồ Chí Minh đã tìm thấy điểm chung của Khổng Tử, Các Mác, Giê-su, Tôn Dật Tiên là mưu cầu hạnh phúc cho loài người, mưu cầu phúc lợi

cho xã hội, thì đến cuối thế kỷ XX nhân loại lại tìm thấy một lý tưởng chung ở Hồ Chí Minh là hướng con người Chân – Thiện – Mỹ, đem lại hạnh phúc, tự do cho nhân loại. Trong mối quan hệ Đông – Tây, dân tộc và nhân loại, cần phải xác định có cái chung và cái riêng, vật chất và tinh thần, nội sinh và ngoại sinh để tập trung giải quyết sự cân bằng, hài hòa giữa các yếu tố.

4 – Có "vay" thì phải có "trả". "Vay" thì phải sáng tạo và không được trở thành kẻ bắt chước. "Trả" thì phải xứng đáng là một dân tộc trong số ít của thế giới có nền văn hóa tiêu biểu. Giới thiệu văn hóa, đất nước, con người Việt Nam với thế giới, làm phong phú thêm nền văn hóa nhân loại vừa là trách nhiệm, vừa là vinh dự. Suy cho cùng, "giúp bạn cũng chính là giúp mình". Quá trình "vay" và "trả" qua lại lẫn nhau giúp ta có điều kiện giao lưu hội nhập, tạo nên tiên tiến và hiện đại song vẫn rất truyền thống (Việt Nam) nếu chúng ta luôn có ý thức và niềm tự hào về các dân tộc.

5 – Giữ gìn bản sắc văn hóa của dân tộc là một ý thức chính trị, và ý thức chính trị của dân tộc, xây dựng tâm lý cộng đồng với nội dung cao cả là tinh thần độc lập tự cường, tự chủ lại là biểu hiện cao nhất và trước hết của văn hóa. Trước đây bản sắc văn hóa của dân tộc với tinh thần yêu nước, chủ nghĩa dân tộc, tinh thần dân tộc tự chủ về chính trị đã khẳng định sức mạnh của phong trào giải phóng thì nay lại càng cần phải như vậy. "Một dân tộc không tự lực cánh sinh mà cứ ngồi chờ dân tộc khác giúp đỡ thì không xứng đáng được độc lập"⁽⁴⁾.

6 – Tiếp thu toàn diện, nhưng có chọn lọc qua "màng lọc" bản sắc văn hóa Việt Nam. Nhà văn hóa kiệt xuất Hồ Chí Minh chỉ rõ, cái gì bổ ích và cần thiết, cái gì tốt và hay thì ta phải học lấy, tiếp nhận để làm giàu cho văn hóa Việt Nam, một nền văn hóa hợp với khoa học và hợp với cả nguyện vọng của nhân dân. Nói như vậy để thấy không phải mọi thứ *mới lạ* đều *bổ ích*. Cái gì *mới* mà *hay* thì tiếp thu, còn cái *mới* mà *lai căng*, xấu xa thì cương quyết loại bỏ.

Phải thường xuyên bồi bổ cho lịch sử – văn hóa với ý nghĩa là cội rễ của dân tộc, cái vốn của riêng mình. Điều cơ bản và trước hết là phải làm kỳ được

việc *thường xuyên bồi bổ cho lịch sử – văn hóa, để cho cốt cách văn hóa dân tộc thấm sâu vào tâm lý quốc dân*. Một khi sao nhãng công việc đó thì tự mình sẽ đánh mất mình. Nhưng trong nội hàm *giữ gìn bản sắc* đã chứa đựng *phát huy, giao lưu, trao đổi, xâm nhập và hội nhập các giá trị văn hóa* rồi: Bởi vì văn hóa là đối thoại và đa dạng vì phát triển. Nhà văn hóa lớn G. Nê-ru (Ấn Độ) hoàn toàn có lý khi cho rằng, "người ta không thể sống cho một mình với cội rễ". Thậm chí cội rễ đó cũng sẽ khô héo nếu nó không vươn ra dưới mặt trời và không khí tự do; chỉ khi đó cội rễ mới mang dinh dưỡng đến cho anh. Chỉ khi đó cuộc sống mới đâm cành trổ hoa"⁽⁵⁾.

Kết hợp chặt chẽ việc *tiếp thu tinh hoa* văn hóa nhân loại *đấu tranh chống lại* sự xâm nhập của văn hóa độc hại. Đó là mối quan hệ giữa giữ gìn bản sắc với tiếp thu tinh hoa, giữa *truyền thống – tiếp biến và đổi mới*, để bồi bổ cho một nền văn hóa dân tộc cường tráng, với các yếu tố nội sinh sung mãn.

7 – Quá trình giữ gìn bản sắc văn hóa dân tộc cũng là quá trình xâm nhập văn hóa, quá trình tự thân vận động, tự ý thức, tự khám phá, tự tái tạo từ ta và từ người. Cái khó ở đây là, làm thế nào để có được sự công bằng giữa gốc rễ và hoa lá trên cành; giữa yếu tố nội sinh và ngoại sinh khi các yếu tố đó luôn có mối quan hệ biện chứng. Câu trả lời phải được tiếp tục suy nghĩ từ quá khứ và thực tiễn hôm nay. Nhưng trước mắt chúng tôi vẫn phải trở lại, vận dụng sáng tạo và phát triển những luận đề của Hồ Chí Minh trong sự nghiệp giải phóng: "Chủ nghĩa dân tộc là động lực lớn của đất nước... Người ta sẽ không làm gì được cho người An Nam nếu không dựa trên các động lực vĩ đại, và duy nhất của đời sống xã hội của họ". "Phải trông ở thực lực. Thực lực mạnh, ngoại giao sẽ thắng lợi. Thực lực là cái chiêng và ngoại giao là cái tiếng. Chiêng có to tiếng mới lớn". "Đem sức ta mà giải phóng cho ta", "Muốn người ta giúp cho thì trước mình phải tự giúp lấy mình đã". Về văn hóa, cần hiểu đó là sự bảo tồn, chấn hưng nền văn hóa dân tộc để làm cơ sở định hướng cho việc mở rộng giao lưu văn hóa quốc tế. Đồng thời phải kết hợp một cách chặt chẽ, khoa học, tinh tế, có lý có tình giữa "pháp trị" – mà đặc biệt là vai trò *quản*

lý của Nhà nước đối với các lĩnh vực kinh tế – xã hội – với "đức trị" mà chủ yếu là giáo dục tinh nhân văn, đạo đức. Ở một ý nghĩa nào đó, là kết hợp giữa "xây" và "chống", trong đó "xây" là nhiệm vụ chủ yếu và lâu dài. Phải nhận thức con người là điểm xuất phát cũng là mục tiêu của sự phát triển. Phải đào tạo con người cả về nhân cách và về trí tuệ. Trong nhân cách có trí tuệ. Trí tuệ càng cao, nhân cách càng phải lớn. Chỉ có nhận thức như vậy mới tạo nên một Việt Nam ổn định, phát triển bền vững trong quá trình giao lưu, hội nhập.

(1) Đây là nói tới chính sách đóng cửa thời Tô-ku-ga-oa (từ năm 1693 của Nhật Bản. Các học giả Nhật Bản ngày nay đánh giá cao chính sách này. Michio Morishima nhận xét: "Bằng cách theo đuổi chính sách quốc gia biệt lập, Mạc Phủ Tô-ku-ga-oa đã thực thi một chính sách bảo hộ mậu dịch hoàn hảo" (Mi-chi-ô Mô-ri-shi-ma: Tại sao Nhật Bản thành công? Công nghệ phương Tây và tính cách Nhật Bản, (Nxb Khoa học xã hội, Hà Nội, 1991, tr 84-85). Dẫn theo: GS. Vũ Dương Ninh: Kinh nghiệm lịch sử và sự hội nhập văn hóa thế giới. Sách "Văn hóa học đại cương và cơ sở văn hóa Việt Nam" (Nxb Khoa học xã hội, Hà Nội, 1996, tr 227);

(2) Cùng với Trung Quốc, Nhật Bản, Cộng hòa dân chủ nhân dân Triều Tiên, Ấn Độ, Việt Nam là một trong năm quốc gia ở châu Á có nền văn hóa tiêu biểu trong tổng số khoảng 34 nền văn hóa có bản sắc riêng biệt;

(3) Văn kiện Hội nghị lần thứ năm Ban Chấp hành Trung ương khóa VIII, Nxb Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 1998, tr 56;

(4) Hồ Chí Minh: Toàn tập, Nxb Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 1995, t 6, tr 522;

(5) G. Nê-ru: "Văn hóa là gì?", Báo Nhân dân Chủ nhật, 19-2-1989.

SOURCE: TẠP CHÍ CỘNG SẢN SỐ 62 NĂM 2004

18 NHẬN XÉT BÀI VIẾT

Cùng với quá trình dựng nước và giữ nước , nền văn hoá Việt Nam đã hình thành và phát triển . Bằng lao động sáng tạo và ý chí đấu tranh bền bỉ , kiên cường , nhân dân ta đã xây đắp nên một nền văn hoá kết tinh sức mạnh và in đậm dấu ấn văn sắc của dân tộc , chứng minh sức sống mãnh liệt và sự trường tồn của dân tộc Việt Nam .

Văn hóa Việt Nam là tổng thể những giá trị vật chất và tinh thần do cộng đồng các dân tộc Việt Nam sáng tạo ra trong quá trình dựng nước và giữ nước . Nhờ nền tảng và sức mạnh văn hoá ấy mà dù có nhiều thời kỳ bị đô hộ , dân tộc ta vẫn giữ vững và phát huy bản sắc của mình , chẳng những không bị đồng hoá , mà còn quật cường đứng dậy giành lại độc lập cho dân tộc , lấy sức ta mà giải phóng cho ta .

Phát huy truyền thống văn hoá dân tộc , dưới sự lãnh đạo của Đảng , là nhân lên sức mạnh của nhân dân ta để vượt qua khó khăn , thử thách , xây dựng và phát triển kinh tế - xã hội , giữ vững quốc phòng , an ninh , mở rộng quan hệ đối ngoại , tạo ra thế và lực mới cho đất nước ta đi vào thế kỷ XXI .

Công cuộc đổi mới toàn diện , đẩy mạnh công nghiệp hoá hiện đại hoá đất nước , xây dựng chủ nghĩa xã hội , thực hiện thắng lợi mục tiêu “ dân giàu , nước mạnh , xã hội công bằng văn minh” , đòi hỏi chúng ta phải xây dựng và phát triển nền văn hoá Việt Nam tiên tiến , đậm đà bản sắc dân tộc , xây dựng nền tảng tinh thần của dân tộc ta , coi đó vừa là mục tiêu vừa là động lực thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội .

Đảng và Nhà nước ta đang tiến tới xây dựng một nền kinh tế mở , hội nhập với Thế giới . Chúng ta đang sống trong một thế giới hiện đại biến chuyển nhanh chóng , đang diễn ra quá trình toàn cầu hoá , sự hội nhập khu vực và thế giới với một tốc độ rất nhanh , từ đó nảy sinh nhu cầu mở rộng giao lưu giữa các nền văn hoá . Trong

khi chú trọng giữ gìn , phát huy các truyền thống văn hoá tinh thần tốt đẹp của dân tộc , văn hóa Việt Nam cần từng bước mở rộng giao lưu quốc tế , tiếp thụ những tinh hoa văn hoá thế giới và thời đại . Nền văn của chúng ta sẽ đa dạng hơn , phong phú hơn , tiên tiến hơn nhờ hấp thụ được những yếu tố lành mạnh của văn hoá thế giới . Trong nền kinh tế mở như nước ta hiện nay luôn luôn có sự trao đổi giao lưu với thế giới trên mọi lĩnh vực , trong đó có lĩnh vực văn hoá . Chúng ta không thể tránh khỏi việc du nhập những phong tục tập quán của các nước , các dân tộc trên thế giới . Tuy nhiên , không vì thế mà chúng ta quên đi truyền thống của dân tộc mình , cái gốc của mình . Việc giữ gìn và phát huy bản sắc dân tộc trong thời kỳ nền kinh tế mở là hết sức cần thiết . Điều đó giúp chúng ta hoà nhập chứ không hoà tan , không bị mất đi cái gốc của mình. Chúng ta một mặt tiếp thu những nét tinh hoa trong văn hoá của các nước , một mặt giữ gìn và phát huy bản sắc dân tộc để làm cho đời sống tinh thần của chúng ta ngày càng phong phú hơn.

* Tính tất yếu của việc nghiên cứu đề tài :

Đất nước ta đang trong thời kỳ tiến lên xây dựng nền kinh tế mở , hội nhập với quốc tế . Tuy nhiên , việc hội nhập cũng có những mặt tích cực và tiêu cực . Nếu chúng ta tiếp thu một cách không có chọn lọc , không có tính toán , chúng ta dễ bị tiếp thu những cái không tốt , ảnh hưởng đến đời sống văn hoá của nước ta . Mặt khác , chúng ta còn lo ngại bị đánh mất truyền thống dân tộc , chạy theo các nước trên thế giới , bị ảnh hưởng hoàn toàn bởi nền văn hoá của các nước khác. Chính vì thế , việc đặt ra những định hướng trong việc hội nhập , tiếp thu những tinh hoa trong văn hoá của các nước một cách có chọn lọc là điều hết sức cần thiết . Trong đó , bản sắc dân tộc giữ một vai trò không nhỏ trong việc hội nhập với thế giới . Mỗi một quốc gia đều có những truyền thống , những bản sắc riêng của mình . Chúng ta cần giữ gìn và phát huy bản sắc dân tộc , một mặt để đem những tinh hoa

của mình để giao lưu với các nước , một mặt giúp chúng ta “ hoà nhập chứ không hoà tan” .

Mỗi quốc gia đều có những bản sắc riêng của mình . Điều đó giúp chúng ta phân biệt rõ mỗi một quốc gia . Giữ gìn và phát huy bản sắc dân tộc là một việc tất yếu trong nền kinh tế mở hiện nay . Chúng ta có bản sắc dân tộc thì mới có thể hội nhập , giao lưu với thế giới , mới có cái để giao lưu .Nếu không giữ gìn được bản sắc dân tộc , chúng ta sẽ lấy gì để hội nhập với thế giới , khi đó chúng ta sẽ bị nền văn hoá các nước khác chi phối , không còn bản sắc riêng của mình . Với những lý do trên , chúng ta có thể thấy rõ tầm quan trọng của việc giữ gìn và phát huy bản sắc dân tộc . Cũng vì thế mà việc nghiên cứu đề tài “Bản sắc dân tộc trong nền kinh tế mở” là điều tất yếu và cần thiết trong giai đoạn hiện nay .

Giữ gìn bản sắc Văn hóa Dân tộc khi trở thành thành viên Tổ chức TMại Tgiới

Thứ bảy, 07/02/2009 10:15 am

Trong thời đại ngày nay, xu thế toàn cầu hoá và hội nhập kinh tế quốc tế diễn ra mạnh mẽ, trên quy mô lớn. Cùng với sự phát triển như vũ bão của cuộc cách mạng khoa học - công nghệ hiện đại và mạng thông tin toàn cầu, “ngôi nhà” thế giới dường như trở nên “nhỏ bé” hơn. “Toàn cầu hoá kinh tế tạo ra cơ hội phát triển nhưng cũng chứa đựng nhiều yếu tố bất bình đẳng, gây khó khăn, thách thức lớn cho các quốc gia, nhất là các nước đang phát triển”⁽¹⁾. Sự ảnh hưởng của quá trình này không chỉ về phương diện kinh tế. Bất luận tham gia chủ động hay buộc phải cuốn theo một cách bị động vào quá trình toàn cầu hoá kinh tế thì văn hóa dân tộc đều phải tiếp xúc, giao thoa với các nền văn hóa khác trên thế giới, đều thôi thúc từng dân tộc suy nghĩ xem phải ứng xử với xu thế lịch sử này như thế nào.

Tổ chức Thương mại thế giới (WTO) là một sản phẩm của quá trình toàn cầu hóa kinh tế, đến lượt mình, tổ chức này lại thúc đẩy quá trình toàn cầu hóa kinh tế phát triển mạnh mẽ hơn và trở nên hiệu quả hơn. Trở thành thành viên chính thức của WTO, Việt Nam có cơ hội phát triển, đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa

đất nước, đồng thời cũng đứng trước nhiều vấn đề mới trong việc giữ vững sự độc lập tự chủ của nền kinh tế còn non trẻ và kém phát triển; trong việc giữ gìn bản sắc văn hóa dân tộc; bảo đảm quốc phòng và an ninh, bảo vệ Tổ quốc.

Thế giới đương đại đang chứng kiến hai yếu tố lớn tác động mạnh mẽ đến bức tranh kinh tế toàn cầu là: sự phát triển của lực lượng sản xuất và sự gia tăng hoạt động của các công ty xuyên quốc gia. Những công ty tư bản xuyên quốc gia, những thế lực chủ yếu chi phối “luật chơi” của kinh tế thế giới không phải không mong muốn kiến tạo “một thế giới theo hình ảnh của nó”⁽²⁾ - như cách diễn đạt của C.Mác, Ph.Ăng-ghen cách đây gần 160 năm - cả về chính trị và văn hóa. Với góc tiếp cận này, việc Việt Nam trở thành thành viên của WTO lại là một “thời cơ” lớn đối với các thế lực thù địch thực thi chiến lược “diễn biến hòa bình”, chống phá cách mạng Việt Nam. Sự chống phá đó, trong nhiều trường hợp, được ẩn náu, che dấu kín đáo trong các quan hệ kinh tế, thương mại, hợp tác, đầu tư làm cho chúng ta khó nhận biết chính xác, rõ ràng, và vì thế, cuộc đấu tranh chống “diễn biến hòa bình” trở nên phức tạp, khó khăn hơn.

Cơ hội và thách thức khi gia nhập WTO không phải là “nhất thành bất biến”, mà đan xen lẫn nhau, tác động sâu rộng không chỉ đến lĩnh vực kinh tế, mà đến mọi lĩnh vực của đời sống xã hội, đến từng tổ chức và con người. Tận dụng được cơ hội, vượt qua và đẩy lùi thách thức, biến thách thức thành cơ hội để phát triển, phụ thuộc vào việc chúng ta phát huy nhân tố chủ quan, nội lực của đất nước, bản sắc văn hóa, tinh thần yêu nước, ý chí tự lực tự cường của cả dân tộc như thế nào.

Văn hóa, cũng như các lĩnh vực khác, chịu sự tác động sâu sắc của quá trình toàn cầu hóa kinh tế. Bản thân văn hóa không chỉ thể hiện ở những sản phẩm văn hóa tinh thần, trong các hoạt động văn hóa tinh thần mà còn ẩn chứa bên trong tất cả các hoạt động của đời sống xã hội, trong tất cả các nhóm dân cư, trong đời sống tâm lý, tình cảm, tư tưởng của con người, trong các thể chế chính trị - xã hội của đất nước... Lĩnh vực sản xuất vật chất đơn thuần cũng hàm chứa trong nó những nội

dung văn hóa, phản ánh đặc tính văn hóa của con người, của cộng đồng người trong lĩnh vực sản xuất vật chất đó. Một sản phẩm vật chất cụ thể bao giờ cũng kết tinh những giá trị văn hóa nào đó. Một công ty liên doanh kinh tế không phải đơn thuần chỉ có nội dung kinh tế mà chứa đựng trong đó những giá trị văn hoá, những mối quan hệ văn hóa giữa các bên liên doanh: văn hóa giao tiếp, ứng xử; văn hóa sản xuất, kinh doanh... và cả những yếu tố chính trị - tư tưởng. Sự tác động của quá trình này đối với văn hóa vừa biểu hiện trên các lĩnh vực kinh tế, thương mại và các lĩnh vực khác, vừa trực tiếp tác động đến văn hóa, đến các giá trị văn hóa, đến phong tục tập quán, các giá trị truyền thống và các thiết chế văn hóa của xã hội... mà hiện nay chúng ta khó có thể dự lường hết được.

Việc thực hiện những cam kết với WTO tạo điều kiện thuận lợi để tiếp thu những tinh hoa văn hóa nhân loại, có cơ hội phát triển và làm thăng hoa văn hóa dân tộc, tôn vinh hình ảnh Việt Nam trong cộng đồng thế giới. Những giá trị văn hóa mới phù hợp với yêu cầu công nghiệp hóa, hiện đại hóa có điều kiện phát triển mạnh mẽ. Lớp cán bộ trẻ có trình độ chuyên môn cao, thông thạo ngoại ngữ, tin học, năng động, tự tin, dám nghĩ, dám làm, dám cạnh tranh, có ý thức dân tộc cao, có tác phong công nghiệp từng bước xuất hiện và phát triển. Biết làm giàu chính đáng cho bản thân, cho cộng đồng và cho xã hội trở thành một giá trị tiêu biểu và là một biểu hiện sinh động của tình yêu quê hương, đất nước. Lòng nhân ái, tình thương con người biến thành hành động cụ thể giúp nhau vượt khó, vươn lên làm giàu...

Tuy nhiên, là thành viên của WTO, dưới sự tác động của quá trình toàn cầu hóa kinh tế, mặt trái của kinh tế thị trường, sự chống phá của các thế lực thù địch, thì những thách thức đối với giá trị văn hóa truyền thống cũng gia tăng. Các nấc thang giá trị có sự thay đổi sâu sắc, làm cho việc phân biệt “đúng - sai”, “tốt - xấu” trong nhiều trường hợp trở nên hết sức phức tạp. Những yếu tố ngoại lai, lai căng có điều kiện xâm nhập, phát triển, ảnh hưởng tiêu cực đến đời sống văn hóa tinh thần xã hội. Những “nọc độc” về văn hóa, chính trị thâm nhập vào bằng nhiều con đường, với

nhiều hình thức tinh vi khác nhau, làm cho tư tưởng, đạo đức, lối sống con người dễ bị nhiễm độc; vấn đề “bảo vệ an ninh chính trị, an ninh kinh tế, an ninh tư tưởng văn hóa và an ninh xã hội” được đặt ra một cách gắt gao hơn. Chủ nghĩa cá nhân, thực dụng, lối sống vì đồng tiền, làm giàu bằng mọi giá, các tệ nạn xã hội... có điều kiện phát triển. Trong bối cảnh đó, nếu không có chiến lược văn hóa phù hợp, thì sự ảnh hưởng này sẽ dẫn đến những hậu quả khó lường.

Nhận thức đúng vấn đề đó, tại Đại hội X của Đảng, ngay khi nước ta chưa chính thức là thành viên của WTO, Đảng ta đã chỉ rõ: “Khai thác có hiệu quả các cơ hội và giảm tối đa những thách thức, rủi ro khi nước ta là thành viên Tổ chức Thương mại thế giới (WTO)”⁽³⁾. Chiến lược văn hóa, trong điều kiện mới, cần phải quán triệt sâu sắc quan điểm, tư tưởng trên đây của Đảng. Say sưa tìm kiếm sự phát triển kinh tế mà không quan tâm đúng mức đến vấn đề văn hóa trong chiến lược phát triển thì đó là một hành động tự làm suy yếu sức mạnh của bản thân mình. Chiến lược văn hóa, trong điều kiện đó, phải tập trung giải quyết hai nội dung cơ bản và cấp thiết có quan hệ biện chứng với nhau, không tách rời nhau: *thứ nhất*, giữ gìn, kế thừa, phát triển bản sắc văn hóa dân tộc; *thứ hai*, phát huy văn hóa dân tộc, nguồn sức mạnh nội sinh của đất nước trong quá trình hội nhập. Xây dựng và phát triển, giữ gìn và phát huy gắn bó chặt chẽ với nhau trong chiến lược văn hóa.

Ở nội dung thứ nhất, để giữ gìn, kế thừa, phát triển bản sắc văn hóa dân tộc, chúng ta cần đẩy mạnh hơn nữa việc xây dựng nền văn hóa Việt Nam tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc, thực sự coi đó vừa là mục tiêu vừa là động lực phát triển kinh tế - xã hội. Văn hóa dân tộc là một chỉnh thể đồ sộ, phong phú bao gồm tri thức, tư tưởng, tín ngưỡng, nghệ thuật, đạo đức, pháp luật, phong tục, tập quán, truyền thống... nó vừa là “trâm tích” của tình cảm và ý thức dân tộc trong quá khứ, vừa là kết tinh của tinh thần thời đại và định hướng giá trị của dân tộc. Mỗi dân tộc có cách

giữ gìn bản sắc văn hóa dân tộc của mình. Cần phải có thái độ biện chứng “gạn đục, khơi trong” những giá trị văn hóa dân tộc. Văn hóa luôn là hệ thống mở, những giá trị đích thực tiêu biểu cho cốt cách, phẩm chất dân tộc Việt Nam cần phải được bồi đắp nội dung mới cho phù hợp với thời đại, những mặt hạn chế cần phải được khắc phục, đổi thay. Những giá trị bên ngoài đã được “Việt Nam hoá”, được các thế hệ con người Việt Nam thâm lượm, chọn lọc biến “cái của người”, thành “cái của ta” cũng là văn hóa dân tộc. Chủ nghĩa Mác - Lê-nin không phải do dân tộc ta sản sinh ra, nó là kết tinh văn hóa nhân loại đã được dân tộc ta tiếp thu và trở thành điều cốt lõi của nền văn hóa Việt Nam tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc, càng cần phải kiên định hơn nữa trong bối cảnh mới.

Các giá trị tốt đẹp của xã hội và con người Việt Nam là sản phẩm của lịch sử dựng nước và giữ nước suốt mấy ngàn năm của dân tộc và là bản chất của quá trình lịch sử ấy. Các thế hệ ông cha đã sản sinh ra những giá trị văn hóa dân tộc; kế thừa, phát huy và phát triển là công việc của con cháu, của thế hệ hôm nay. Trên tinh thần ấy, cần phải quán triệt sâu sắc những định hướng mà Đại hội X của Đảng đã chỉ ra về kế thừa, phát huy và phát triển giá trị văn hóa trong bối cảnh hội nhập kinh tế quốc tế: “Xây dựng và hoàn thiện giá trị, nhân cách con người Việt Nam, bảo vệ và phát huy bản sắc văn hóa dân tộc trong thời kỳ công nghiệp hóa, hiện đại hóa, hội nhập kinh tế quốc tế. Bồi dưỡng các giá trị văn hóa trong thanh niên, học sinh, sinh viên, đặc biệt là lý tưởng sống, năng lực trí tuệ, đạo đức và bản lĩnh văn hóa con người Việt Nam”⁽⁴⁾.

Ở nội dung thứ hai, vấn đề phát huy văn hóa dân tộc, nguồn sức mạnh nội sinh của đất nước trong quá trình hội nhập. Vào WTO, chúng ta vừa có điều kiện để phát huy văn hóa dân tộc, vừa phải có trách nhiệm hơn, có ý thức cao hơn trong việc tôn

vinh những giá trị văn hóa dân tộc. Xây dựng nền văn hóa tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc là nhằm giữ gìn và phát huy bản sắc văn hóa dân tộc trong điều kiện mới của sự mở rộng giao lưu và hợp tác quốc tế. Giữ gìn bản sắc văn hóa dân tộc là để đến với thế giới một cách tốt hơn, học tập chỗ mạnh của các nền văn hóa khác một cách tốt hơn, tiếp thu văn hóa nhân loại, thông qua tính dân tộc để thấu lượm, sàng lọc tính thời đại, tính thế giới.

Cần nhận thức và xác định đúng đắn ý nghĩa, tầm quan trọng của văn hóa khi thực hiện các cam kết kinh tế, thương mại song phương, đa phương trong khuôn khổ WTO. Xây dựng nền văn hóa tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc, phát triển, tôn vinh những giá trị văn hóa dân tộc và hình ảnh Việt Nam trước bạn bè năm châu là trách nhiệm của toàn Đảng, toàn dân, của tất cả các cấp, các ngành, của mọi con người, trên mọi lĩnh vực của đời sống xã hội. Ở đây, vai trò của các doanh nghiệp hết sức quan trọng. Tinh thần yêu nước, ý thức dân tộc phải trở thành một hành trang cơ bản giúp họ sản xuất kinh doanh, cạnh tranh với “thiên hạ”, tô đẹp hình ảnh Việt Nam trên thế giới. Mọi sản phẩm làm ra, mọi hoạt động kinh doanh, buôn bán không chỉ mang lợi ích kinh tế, mà phải có ý nghĩa, giá trị văn hóa sâu đậm. Kinh tế và văn hoá, giá trị kinh tế và giá trị văn hóa dân tộc hòa quyện tạo ra niềm tự hào chính đáng đó của dân tộc Việt Nam.

Trong xã hội đang và sẽ tiếp tục diễn ra quá trình: những giá trị được sinh ra, hoặc phát triển chủ yếu trong chống ngoại xâm, trong thời bao cấp chuyển thành những giá trị của thời kỳ đổi mới, hội nhập kinh tế quốc tế. Sự chuyển biến này là đòi hỏi tất yếu của tình hình mới. Vào WTO thì sự chuyển biến này càng có điều kiện và đòi hỏi phải đẩy nhanh tốc độ. Thành công của sự nghiệp đổi mới, chấn hưng đất nước, xây dựng và bảo vệ Tổ quốc hôm nay phụ thuộc rất lớn vào tính đúng hướng và chất lượng của quá trình đó. Điều quyết định đảm bảo tính đúng

hướng và chất lượng của quá trình chuyển động này là sự lãnh đạo của Đảng và sự quản lý của Nhà nước; là sự kiên định mục tiêu độc lập dân tộc gắn liền với chủ nghĩa xã hội; phát huy cao độ tinh thần yêu nước, ý chí tự lực tự cường trong mỗi con người và của toàn dân tộc.

Thực tiễn trên thế giới những năm gần đây cho thấy rõ điều đó. Dưới sự tác động mạnh mẽ của toàn cầu hoá kinh tế, người dân của nhiều quốc gia đã lấy việc sử dụng đồ điện, ô-tô sản xuất trong nước làm vinh dự. Để đối phó với sự khủng hoảng tài chính - tiền tệ ở châu Á năm 1997- 1998, không ít người dân Hàn Quốc đã tự nguyện quyên góp tiền, vàng cho chính phủ nhằm cứu vãn nền kinh tế sắp lâm vào khủng hoảng; người dân một số nước Đông - Nam Á cũng có những hành động tương tự⁽⁵⁾. Những ví dụ nêu trên đáng để cho chúng ta suy ngẫm về ý thức dân tộc, lòng tự hào và tinh thần dân tộc trong điều kiện toàn cầu hóa kinh tế.

Dân tộc ta chỉ có thể phát triển và khẳng định được chính mình trong dòng chảy của toàn cầu hóa kinh tế, hội nhập kinh tế quốc tế, trong “sân chơi” của WTO, thực hiện thắng lợi mục tiêu dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng, dân chủ, văn minh, “sánh vai cùng các nước trên thế giới trong nhịp bước khẩn trương của thời đại”⁽⁶⁾, khi chúng ta biết phát huy mạnh mẽ nội lực của chính mình, biết giữ gìn, bảo vệ và không ngừng bồi đắp, phát huy bản sắc văn hóa dân tộc của mình.

** PGS, TS Viện Khoa học xã hội nhân văn quân sự*

(1) Đảng Cộng sản Việt Nam, Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ X, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, năm 2006, tr. 73

(2) C.Mác, Ph.Ăng-ghen, toàn tập, tập 4, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, năm 1995, tr. 602

(3) Đảng Cộng sản Việt Nam, Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ X, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, năm 2006, tr. 114

(4) Đảng Cộng sản Việt Nam, Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ X, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, năm 2006, tr. 106

(5) Xem: Toàn cầu hoá kinh tế và xây dựng văn hoá dân tộc, Tài liệu phục vụ nghiên cứu, Viện Thông tin khoa học xã hội, số 6/ 2002, tr 5, 6

(6) Đảng Cộng sản Việt Nam, Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ X, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, năm 2006, tr. 139
Nguyễn Mạnh Hường./.
Tapchicongsandientu.

=====

- *Neu muon duoc the gioi ton trong minh, hay tu minh ton trong minh truoc, luon giu gin coi nguon goc re cua minh, hoa nhap nhung khong nen hoa tan, tien thu nhung tinh hoa van hoa the gioi de lam phong phu them van hoa goc, nang van hoa goc cua minh len mot tam cao moi co ic*

Giữ gìn và phát huy bản sắc văn hóa dân tộc trong quá trình phát triển kinh tế thời kỳ hội nhập quốc tế

Hoàng Thị Hương

Đại biểu Quốc hội, Trường Cao đẳng Sư phạm Lạng Sơn

(Cập nhật: 22/9/2010)

TCCS - Toàn cầu hóa đã và đang tạo nên xu thế hội nhập quốc tế ngày càng sâu rộng trên mọi lĩnh vực của đời sống xã hội. Hội nhập quốc tế tạo

nên nhiều cơ hội phát triển nhưng cũng chứa đựng nhiều thách thức, trong đó có thách thức về giữ gìn và phát huy bản sắc văn hóa của các dân tộc. Làm thế nào để giữ gìn được bản sắc văn hóa dân tộc trong quá trình phát triển kinh tế thời kỳ hội nhập quốc tế, phát huy được bản sắc văn hóa dân tộc như một sức mạnh nội sinh để phát triển là một vấn đề cần được nghiên cứu để có những định hướng đúng đắn cho con đường phát triển của dân tộc.

1 - Tầm quan trọng của việc giữ gìn và phát huy bản sắc văn hóa dân tộc

Giữ gìn bản sắc văn hóa dân tộc là giữ gìn cốt cách dân tộc trong quá trình phát triển của dân tộc.

Theo nghĩa Hán - Việt cốt là xương, cách là tiêu chuẩn, phạm vi, quy định. Nói tới cốt cách của con người là nói đến nét đặc sắc, đặc trưng về tính cách của một con người hoặc của một tầng lớp xã hội. Chẳng hạn, người ta nói tới cốt cách nhà Nho, cốt cách nhà tri thức, cốt cách nhà văn... Nói tới cốt cách của một dân tộc thì không chỉ nói tới những nét đặc sắc, đậm đà được biểu hiện qua tính cách mà còn thông qua toàn bộ đời sống vật chất và tinh thần của dân tộc. Cốt cách dân tộc là cái tương đối ổn định, bền vững bởi nó được hình thành, tạo dựng và khẳng định trong lịch sử tồn tại và phát triển của dân tộc. Lĩnh vực thể hiện rõ nhất cốt cách dân tộc, tinh thần dân tộc là văn hóa. Bản sắc văn hóa dân tộc là biểu hiện sống động của cốt cách dân tộc qua bao thăng trầm của lịch sử. Giữ gìn bản sắc văn hóa dân tộc cũng chính là giữ gìn cốt cách dân tộc. Cốt cách dân tộc được coi là "chất", là "bộ gien" của mỗi dân tộc và giữ gìn bản sắc văn hóa dân tộc chính là bảo vệ, giữ gìn bộ gien quý đó. Một nền văn hóa giữ được cốt cách dân tộc sẽ là một nền văn hóa có đủ "sức khỏe" để đề kháng, chống lại sự "ô nhiễm văn hóa" hay "xâm lăng văn hóa" một cách vô thức hay có chủ định. Đây là một điều kiện cơ bản để "tiếp biến" văn hóa trước sự tác động nhiều chiều, phức tạp của khách quan được thực hiện một cách chủ động,

tích cực. Chỉ như vậy, nền văn hóa dân tộc mới không bị "hòa tan" hay "lai căng" một cách thô thiển, mất bản sắc. Giữ được cốt cách dân tộc sẽ giúp dân tộc thích ứng được với những cái mới và "dân tộc hóa" cái mới để biến nó thành tài sản của dân tộc, mang hồn của dân tộc. Lịch sử đã chứng minh sự tiếp biến kỳ diệu của nền văn hóa Việt Nam trong điều kiện bị nước ngoài xâm lược. Đó là sự tiếp biến giữ được cốt cách dân tộc, đồng thời phát triển được bản sắc dân tộc trước những thách thức của lịch sử. Đây là một truyền thống, một "cốt cách dân tộc" cần được phát huy trong điều kiện phát triển kinh tế của nước ta hiện nay.

Cốt cách dân tộc như mạch nước nguồn xuyên suốt quá trình phát triển của dân tộc. Nếu một dân tộc đạt đỉnh cao về kinh tế nhưng không giữ được cốt cách dân tộc thì sự phát triển ấy là không trọn vẹn. Trong quá trình phát triển, nhiều khi vì lợi ích kinh tế trước mắt, người ta có thể chưa ý thức nhiều tới việc giữ gìn bản sắc văn hóa dân tộc, giữ gìn cốt cách dân tộc. Thực tế, sự thiếu thốn, nghèo nàn về bản sắc văn hóa, sự mất mát về cốt cách dân tộc nhiều khi còn đáng sợ hơn sự thiếu thốn, nghèo nàn về vật chất. Sự mất mát về bản sắc văn hóa dân tộc làm mất đi cốt cách dân tộc, có thể làm mất đi ý nghĩa tồn tại của một dân tộc. Như vậy, sự phát triển kinh tế có thể mang lại sự đầy đủ về vật chất và tiện nghi sinh hoạt nhưng không đồng nhất với sự phồn vinh, thịnh vượng nếu ở đó thiếu vắng những giá trị văn hóa dân tộc. Sự phát triển hài hòa giữa kinh tế và văn hóa, đặc biệt là giữ gìn bản sắc văn hóa dân tộc gắn với giữ gìn cốt cách dân tộc là một nguyên tắc luôn cần được tôn trọng trong quá trình phát triển kinh tế thời kỳ hội nhập kinh tế quốc tế.

Giữ gìn bản sắc văn hóa dân tộc là cơ sở củng cố ý thức tự tôn dân tộc và là nền tảng cho sự phát triển kinh tế bền vững.

Tự là tự mình, tôn là đề cao. Tự tôn là tự mình coi trọng mình. Giữ gìn và phát huy bản sắc văn hóa dân tộc là nói đến lòng tự hào, ý thức tự tôn dân tộc. Giữ gìn

bản sắc văn hóa dân tộc không chỉ nhấn mạnh những nét đặc sắc của dân tộc mà còn là giữ gìn những giá trị thuộc về dân tộc đó. Đồng thời việc giữ gìn và phát huy bản sắc văn hóa dân tộc chỉ có thể thực hiện được trên cơ sở ý thức tự giác của cả cộng đồng dân tộc. Đúng như Chủ tịch Hồ Chí Minh đã từng nói, văn hóa phải "đi sâu vào tâm lý quốc dân" để từ đó "văn hóa soi đường cho quốc dân đi".

Ý thức tự tôn dân tộc được củng cố thông qua việc giữ gìn bản sắc văn hóa dân tộc không chỉ có ý nghĩa trong việc phát triển nền văn hóa tiên tiến, đậm đà bản sắc văn hóa dân tộc mà cả đối với quá trình phát triển nói chung, phát triển kinh tế nói riêng. ý thức đó có thể trở thành sức mạnh giúp dân tộc vượt qua những khó khăn, thử thách trong quá trình phát triển. Hành động tự nguyện quyên góp tiền vàng cho Chính phủ thời kỳ khủng hoảng kinh tế hay tự hào sử dụng những sản phẩm sản xuất trong nước để phát triển kinh tế đất nước chính là minh chứng khẳng định giá trị của ý thức tự tôn dân tộc cho sự phát triển kinh tế bền vững của dân tộc.

Hội nhập quốc tế là một quá trình chứa đựng nhiều mâu thuẫn, vừa có mặt tích cực, vừa có mặt tiêu cực, vừa có hợp tác, vừa có đấu tranh. Nó tạo ra một môi trường thúc đẩy phát triển lực lượng sản xuất một cách mạnh mẽ trên phạm vi toàn cầu, đồng thời cũng phân chia thế giới thành hai cực giàu nghèo một cách khốc liệt tạo nên sự phụ thuộc khó tránh khỏi của các quốc gia kém phát triển vào các nước phát triển. Đó là nguyên nhân của sự bất bình đẳng giữa các quốc gia dân tộc có trình độ phát triển khác nhau. Sự bất bình đẳng này không chỉ biểu hiện trong lĩnh vực kinh tế mà cả trong lĩnh vực văn hóa, đe dọa bị đồng hóa, đánh mất bản sắc văn hóa của các dân tộc có trình độ phát triển thấp hơn. Ngoài ra, quá trình phát triển nền kinh tế thị trường cũng làm phát sinh một số hiện tượng tiêu cực, như hình thành lối sống hưởng thụ, suy tôn vật chất, chú trọng vật dụng hiện đại mà coi nhẹ những giá trị tinh thần thuộc về dân tộc; đề cao cái cá nhân mà suy giảm tính cộng đồng, mờ nhạt về ý thức tự tôn dân tộc... tất cả những điều đó đều làm suy yếu đi sức mạnh

của dân tộc. Củng cố ý thức tự tôn dân tộc sẽ góp phần điều tiết, định hướng giá trị để hạn chế những mặt tiêu cực đó. Như vậy, giữ gìn bản sắc văn hóa dân tộc trong quá trình phát triển kinh tế thời kỳ hội nhập quốc gia sẽ góp phần phát huy mặt tích cực và hạn chế mặt tiêu cực của nền kinh tế thị trường trong hoàn cảnh hội nhập quốc tế, bảo đảm cho sự phát triển của dân tộc giữ vững được độc lập, tự chủ trên mọi phương diện. Đảng ta khẳng định: trong điều kiện kinh tế thị trường và mở rộng giao lưu quốc tế, phải đặc biệt quan tâm giữ gìn và nâng cao văn hóa dân tộc, kế thừa và phát huy truyền thống đạo đức, tập quán tốt đẹp và lòng tự hào dân tộc.

Ý thức tự tôn dân tộc không chỉ để khẳng định mình với dân tộc khác mà còn giúp dân tộc đó có thái độ đúng mực với cái mới, cái hiện đại. Đó là sự không quá tự ti hay quá tự cao tự đại để khép kín, bảo thủ hay phủ định sạch trơn những giá trị truyền thống trước cái mới lạ, hấp dẫn xâm nhập từ bên ngoài cùng với quá trình hội nhập quốc tế. Giữ gìn, phát huy bản sắc văn hóa dân tộc là để khẳng định sự độc lập tự chủ của dân tộc về mọi mặt, đồng thời cũng tạo niềm tin và là cơ sở vững chắc cho các quan hệ hợp tác quốc tế. Đó là nền tảng tinh thần cho dân tộc Việt Nam vững bước đi lên. Có học giả nước ngoài đã cho rằng: "có thể thắng, có thể trảm, nhưng với lòng tự tôn mạnh, Việt Nam sẽ không chịu thấp kém" so với các dân tộc khác.

Giữ gìn bản sắc văn hóa dân tộc là tiếp tục phát huy tính sáng tạo của dân tộc trong quá trình hội nhập quốc tế.

Giữ gìn bản sắc văn hóa dân tộc là hướng tới một nền văn hóa dân tộc đa dạng, phong phú về sắc thái chứ không phải là một nền văn hóa nghèo nàn, giống nhau, cùng khuôn mẫu. Đa dạng, phong phú hoàn toàn đối lập với sự nghèo nàn, đơn điệu. Đa dạng, phong phú về bản sắc là một thuộc tính của văn hóa thể hiện khả năng sáng tạo của các dân tộc trong những điều kiện lịch sử cụ thể. Ngày nay, hội nhập quốc tế,

một mặt, tạo điều kiện để các nền văn hóa dân tộc được giao lưu, hợp tác và phát triển; mặt khác, cũng tạo ra xu hướng toàn cầu hóa về ngôn ngữ, về văn hóa, về lối sống và quan niệm giá trị. Quá trình đó đặt các dân tộc trước nguy cơ đánh mất bản sắc văn hóa dân tộc, đồng thời còn ẩn chứa nguy cơ làm suy giảm tính sáng tạo của các dân tộc trong quá trình phát triển. Nguyên Tổng Giám đốc UNESCO Federico Mayor đã từng cảnh báo: sự "đồng hóa các hệ thống giá trị và tiêu chuẩn, đe dọa làm suy kiệt khả năng sáng tạo của các nền văn hóa, nhân tố hết sức quan trọng đối với sự tồn tại lâu dài của cả nhân loại"(1)

Sáng tạo trong giữ gìn và phát huy bản sắc văn hóa dân tộc là một yếu tố quan trọng. Sáng tạo sẽ "cởi trói" tư duy con người thoát khỏi sự khuôn buộc của thói quen, phong tục hay tiêu chuẩn đã không còn phù hợp với điều kiện mới. Giữ gìn và phát huy bản sắc văn hóa dân tộc, một mặt, phải gắn liền với chống lạc hậu, lỗi thời "trong phong tục, tập quán, lễ thói cũ"; mặt khác, giữ gìn phải biết lọc bỏ - bổ sung - phát triển một cách sáng tạo, phù hợp với đời sống hiện đại. Giữ gìn và phát huy bản sắc văn hóa dân tộc là không ngừng xác lập một nền văn hóa tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc trên cơ sở phát huy tính sáng tạo của dân tộc. Đó chính là sức sống nội lực của một dân tộc trong quá trình phát triển bền vững. Ngoài ra, khơi dậy và khuyến khích sáng tạo không chỉ có ý nghĩa trong giữ gìn và phát huy bản sắc văn hóa dân tộc mà cả trong phát triển kinh tế. Mọi sự thụ động, bảo thủ, trì trệ đều kìm hãm phát triển. Đa dạng, phong phú không chỉ là mục tiêu mà còn là động lực thúc đẩy quá trình giữ gìn bản sắc văn hóa dân tộc và phát triển kinh tế thời kỳ hội nhập quốc tế. Với tư duy sáng tạo, con người mới làm chủ được quá trình giải quyết mối quan hệ giữa bảo tồn, kế thừa và phát triển, mối quan hệ giữa cái cũ và cái mới, cái truyền thống và cái hiện đại, cái tiên tiến.

Giữ gìn bản sắc văn hóa dân tộc là kế thừa và phát huy những truyền thống tốt đẹp của dân tộc.

Trải dài theo năm tháng của lịch sử, mỗi dân tộc hun đúc cho mình rất nhiều giá trị văn hóa trở thành truyền thống tốt đẹp của dân tộc. Những truyền thống đó được lưu giữ, bổ sung, phát triển phù hợp với điều kiện mới và đáp ứng những yêu cầu phát triển của lịch sử. Trong thực tế, lòng yêu nước, yêu lao động, yêu chuộng hòa bình và nhiều giá trị nhân văn khác đã trở thành sức mạnh tinh thần giúp mỗi dân tộc vượt qua những gian nan thử thách để phát triển ngày càng vững mạnh. Những tinh thần đó tiếp tục được bổ sung những nhân tố mới, cách thức biểu hiện mới để đáp ứng yêu cầu phát triển kinh tế thời kỳ hội nhập quốc tế. Ngày nay yêu nước không chỉ để chiến thắng kẻ thù xâm lược mà còn là để xây dựng một dân tộc phát triển về mọi mặt để có thể "sánh vai" cùng các dân tộc khác trên trường quốc tế. Yêu nước, yêu lao động không chỉ là trân trọng đất nước và quý trọng lao động mà còn là động lực để dân tộc đó không ngừng vươn lên những tầm cao của tri thức, nâng cao năng lực sản xuất, hiệu quả lao động, tạo ra những hàng hóa có sức cạnh tranh mạnh mẽ với hàng hóa các nước khác trên thị trường quốc tế. Yêu chuộng hòa bình là để bảo vệ sự ổn định, phồn vinh không chỉ cho mỗi dân tộc mà còn cho một thế giới tốt đẹp... Đó là những giá trị phù hợp với thời đại ngày nay.

Giữ gìn bản sắc văn hóa dân tộc gắn với bảo vệ mối quan hệ hòa hợp giữa con người với tự nhiên và xã hội.

Con người là sản phẩm của quá trình phát triển lâu dài của thế giới tự nhiên và là một bộ phận không thể tách rời thế giới đó. Trong quá trình tồn tại và phát triển, con người ngày càng ý thức rõ rệt về mối quan hệ hòa hợp giữa con người với thiên nhiên, con người với con người. "Thiên thời, địa lợi, nhân hòa" đã trở thành triết lý sống của con người trong mọi thời đại. Ngày nay, trước sự tác động của biến đổi khí hậu và sự bất ổn tàn khốc của chiến tranh, khủng bố đang hằng ngày hằng giờ cảnh báo cho loài người phải biết quan tâm đến việc sống hòa hợp với tự nhiên và xã hội như một nhân tố không thể thiếu để phát triển, trong đó có phát triển kinh tế.

Hiểu theo nghĩa rộng nhất, văn hóa là toàn bộ những giá trị vật chất và tinh thần do chính con người sáng tạo ra trong hoạt động sản xuất và đời sống xã hội. Môi trường tự nhiên và môi trường xã hội không chỉ là môi trường sống mà còn là môi trường văn hóa, nơi những giá trị văn hóa hay bản sắc văn hóa dân tộc hình thành, tồn tại và phát triển. Để giữ gìn văn hóa nói chung, bản sắc văn hóa nói riêng, tất yếu phải bảo vệ môi trường tự nhiên và xã hội. Điều này không chỉ có ý nghĩa với văn hóa mà còn có ý nghĩa với quá trình phát triển kinh tế khi mà hệ lụy của quá trình phát triển công nghiệp như vấn đề ô nhiễm và cạn kiệt tài nguyên đang là mối đe dọa đầy bất trắc cho sự tồn tại và phát triển của loài người. Hơn lúc nào hết, việc giữ gìn bản sắc văn hóa dân tộc gắn với phát huy cách ứng xử văn hóa với tự nhiên và xã hội được coi như một bảo đảm cho sự ổn định và phát triển.

2 - Những vấn đề đặt ra

Thứ nhất, trong quá trình phát triển của dân tộc, mối quan hệ biện chứng giữa phát triển kinh tế và giữ gìn bản sắc văn hóa dân tộc chưa thực sự được tôn trọng. Kinh tế đạt được tốc độ tăng trưởng liên tục, tỷ lệ đói nghèo không ngừng giảm... góp phần nâng cao vị thế của dân tộc trên trường quốc tế, tuy nhiên sự phát triển đó vẫn chưa thật sự bền vững khi dựa trên nền tảng tinh thần còn thiếu vững chắc. Phát triển kinh tế còn có biểu hiện coi trọng lợi ích trước mắt; giữ gìn bản sắc văn hóa dân tộc có xu hướng chạy theo phong trào, hình thức, khuôn mẫu mà chưa tính hết tính đa dạng, làm nghèo nàn bản sắc văn hóa vốn có của các dân tộc. Từ đó dẫn đến trong đời sống xã hội, kinh tế có bước phát triển nhưng bản sắc văn hóa dân tộc lại bị mai một, mất dần hoặc lai căng một cách tự phát. Biểu hiện có thể cảm nhận được là cùng với phát triển kinh tế thương mại, du lịch là sự "thương mại hóa", "hàng hóa hóa" những sắc thái văn hóa dân tộc dẫn đến giữ gìn, phát huy bản sắc văn hóa dân tộc tự phát, phiến diện. Mặt khác, trong quá trình phát triển kinh tế chúng ta vẫn còn tư duy phát triển những ngành công nghiệp dựa trên khai thác tiềm năng thiên nhiên

mà chưa chú trọng thích đáng đến phát triển ngành công nghiệp văn hóa. Sự trì trệ của công nghiệp văn hóa dẫn đến hệ quả "kép" về cả hiệu quả kinh tế và việc giữ gìn bản sắc văn hóa dân tộc. Tất yếu hình thành thứ văn hóa "ăn theo", "bắt chước" văn hóa phương Tây một cách thiếu chọn lọc, tạo điều kiện cho chúng thâm nhập vào đời sống của dân tộc. Đó là một nguy cơ làm nghèo kiệt đi bản sắc văn hóa dân tộc, làm mất đi sức sáng tạo của dân tộc thời hiện đại. ở đây cần phải hiểu đúng về "sáng tạo", đó là sự không ngừng tìm tòi cái mới nhưng không phải cái mới nào cũng được coi là sáng tạo, cái mới ấy phải là cái hữu ích. Sáng tạo văn hóa là sáng tạo cái mới nhưng phải phù hợp với truyền thống dân tộc và góp phần đưa dân tộc đó phát triển, đó là sáng tạo hữu ích cao nhất mà mọi dân tộc vươn tới.

Thứ hai, giữ gìn bản sắc văn hóa dân tộc chưa được thể hiện rõ nét trong quá trình phát triển dẫn đến "sức khỏe" của nền văn hóa dân tộc chưa đủ mạnh và được tăng cường thường xuyên. Khi "sức khỏe" đời sống tinh thần của dân tộc không tốt dễ dẫn đến bị cái mới lạ từ bên ngoài "mê hoặc" một cách mù quáng, từ đó có thể có thái độ tự ti, xa rời những giá trị văn hóa dân tộc truyền thống. Đây là nguy cơ bị "hòa tan", tự đánh mất mình, mất bản sắc dân tộc trong phát triển kinh tế cũng như xây dựng nền văn hóa dân tộc. Nguyên nhân sâu xa của vấn đề này có thể nói tới là ý thức tự tôn dân tộc và ý thức giữ gìn cốt cách dân tộc chưa thật sự có chỗ đứng vững chắc trong đời sống tinh thần của cộng đồng dân tộc. Công tác giáo dục, tuyên truyền và nhiều biện pháp giữ gìn bản sắc văn hóa dân tộc chưa thật sự đi vào chiều sâu một cách có hệ thống, nhiều khi chỉ mới là những giải pháp tình thế trước mắt.

Thứ ba, giữ gìn và phát huy bản sắc văn hóa dân tộc còn mang tính "bao cấp", dựa trên sự hỗ trợ của Nhà nước là chính mà chưa khơi dậy, phát huy tính chủ động, tích cực, tự giác của các chủ thể văn hóa dân tộc. Trong khi đó giữ gìn bản sắc văn hóa dân tộc luôn gắn với vai trò của các chủ thể sinh ra và lưu giữ chúng. Công ước UNESCO năm 2003 cũng đã khẳng định: "Những di sản văn hóa phải được chuyển

giao từ thế hệ này sang thế hệ khác, được các cộng đồng và các nhóm người không ngừng tái tạo và hình thành trong họ một ý thức về bản sắc và sự kế tục". Thực tế các nền văn hóa đậm đà bản sắc dân tộc trên thế giới đều được chính những chủ nhân của nó có ý thức giữ gìn, trân trọng, bảo vệ.

Thứ tư, đầu tư cho phát triển tập trung nhiều ở phát triển kinh tế mà chưa có điều kiện đầu tư cho phát triển văn hóa nói chung, giữ gìn và phát huy bản sắc văn hóa dân tộc nói riêng. Đầu tư còn thấp dẫn đến việc nghiên cứu, bảo tồn những giá trị thuộc bản sắc văn hóa dân tộc còn thiếu tính toàn diện, hoặc không kịp thời. Một thực tế nữa trong giữ gìn, phát huy bản sắc văn hóa dân tộc là từ nhận thức chưa thấu đáo về những giá trị văn hóa dân tộc, dẫn đến việc xuất hiện những sản phẩm văn hóa "không giống ai", không rõ bản sắc văn hóa dân tộc.

3 - Một số giải pháp cấp thiết

Trên cơ sở phân tích những vấn đề mang tính lý luận và thực tiễn về việc giữ gìn và phát huy bản sắc văn hóa dân tộc trong quá trình phát triển kinh tế thời kỳ hội nhập quốc tế, trong thời gian tới, chúng ta cần tập trung thực hiện một số giải pháp cấp thiết sau:

Một là, tăng cường công tác giáo dục, tuyên truyền để nâng cao nhận thức của cộng đồng về tầm quan trọng của việc hiểu biết về bản sắc văn hóa dân tộc, từ đó hình thành ý thức giữ gìn bản sắc văn hóa dân tộc một cách chủ động, tích cực và tự giác. Chỉ có như vậy cốt cách dân tộc, lòng tự tôn dân tộc mới luôn giữ vai trò hạt nhân trong quá trình phát triển kinh tế và phát triển nói chung của dân tộc. Đây là một quá trình không thể nóng vội, nhưng cũng không thể chậm trễ mà cần được thực hiện thông qua nhiều biện pháp, trong đó có biện pháp giáo dục và tự giáo dục trong chính cộng đồng dân tộc.

Hai là, mối quan hệ biện chứng giữa phát triển kinh tế và giữ gìn bản sắc văn hóa dân tộc phải được quán triệt trong tổng thể hệ thống chính sách kinh tế - xã hội. Để chính sách đi vào được cuộc sống cần bảo đảm sự thống nhất trong tất cả các khâu từ xây dựng kế hoạch, tổ chức thực hiện, kiểm tra giám sát đến đầu tư nguồn lực thích đáng. Mặt khác, phải xây dựng chiến lược phát triển công nghiệp văn hóa trên nền tảng tư tưởng chủ đạo là giữ gìn và phát huy bản sắc văn hóa dân tộc vì sự phát triển bền vững của dân tộc.

Ba là, giữ gìn bản sắc văn hóa dân tộc trong quá trình phát triển kinh tế phải do chính các chủ thể văn hóa thực hiện. Mọi nguồn lực bên ngoài chỉ phát huy hiệu quả khi chủ thể văn hóa có ý thức tự giác giữ gìn và phát huy bản sắc văn hóa của dân tộc. Những giải pháp phát triển về kinh tế để đáp ứng những nhu cầu dân sinh phải gắn với nhu cầu bảo vệ đời sống tinh thần, bảo vệ bản sắc văn hóa dân tộc. Muốn vậy, mọi chính sách đều phải gắn với cộng đồng dân tộc, tôn trọng quyền quyết định của cộng đồng dân tộc, đồng thời phải đầu tư nghiên cứu sâu sắc về những giá trị của văn hóa dân tộc để có những giải pháp phù hợp.

Bốn là, giữ gìn và phát huy bản sắc văn hóa dân tộc phải có phương pháp, cách thức phù hợp, đi vào thực chất, chống căn bệnh hình thức, chạy theo phong trào làm phá vỡ tính đa dạng, phong phú và bản sắc văn hóa dân tộc. Trên cơ sở đó sẽ phát huy được tính sáng tạo trong giữ gìn bản sắc văn hóa dân tộc và phát triển kinh tế, ngăn chặn sự bảo thủ, trì trệ hay phiêu lưu mạo hiểm trong phát triển của các dân tộc.

Năm là, phát triển kinh tế và văn hóa phải gắn với bảo vệ môi trường tự nhiên và môi trường xã hội. Đây là một trong những nhân tố bảo đảm cho sự phát triển bền vững của dân tộc. Đặc biệt việc giữ gìn và phát huy bản sắc văn hóa cần gắn với giữ gìn không gian văn hóa - nơi duy trì đời sống của cộng đồng dân tộc.